

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định một số nội dung quản lý đầu tư và xây dựng
trên địa bàn tỉnh Cao Bằng**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm
2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp
luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung
một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Chuyển giao công nghệ ngày 19 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Luật Kiến trúc ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 17 tháng 06 năm 2020;

*Căn cứ Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư ngày 18 tháng 6
năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 53/2017/NĐ-CP ngày 08 tháng 5 năm 2017 của Chính
phủ quy định các loại giấy tờ hợp pháp về đất đai để cấp giấy phép xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;*

*Căn cứ Nghị định số 85/2020/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2020 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Kiến trúc;*

*Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của
Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây
dựng và bảo trì công trình xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của
Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;*

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 29/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục thẩm định dự án quan trọng quốc gia và giám sát, đánh giá đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 35/2021/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư;

Căn cứ Thông tư 85/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc quyết toán tình hình sử dụng vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước theo niên độ ngân sách hằng năm;

Căn cứ Thông tư số 10/2020/TT-BTC ngày 20 tháng 02 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quyết toán dự án hoàn thành sử dụng nguồn vốn nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 03/2020/TT-BXD ngày 28 tháng 7 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ thiết kế kiến trúc và mẫu chứng chỉ hành nghề kiến trúc;

Căn cứ Thông tư số 06/2021/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 65/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 7 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công;

Căn cứ Thông tư số 10/2021/TT-BXD ngày 25 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng Hướng dẫn một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 và Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng Hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 14/2021/TT-BXD ngày 08 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định chi phí bảo trì công trình xây dựng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo quyết định này Quy định một số nội dung quản lý đầu tư và xây dựng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 18 tháng 11 năm 2021.

2. Quyết định này thay thế Quyết định số 39/2016/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2016 của UBND tỉnh Cao Bằng ban hành Quy định một số nội dung quản lý đầu tư và xây dựng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng và Quyết định số 45/2018/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2018 của UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định một số nội dung quản lý đầu tư và xây dựng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng ban hành kèm theo Quyết định số 39/2016/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2016 của UBND tỉnh Cao Bằng.

3. Quyết định này bãi bỏ Khoản 1 Điều 12 Quy định phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công trên địa bàn tỉnh Cao Bằng ban hành kèm theo Quyết định số 32/2018/QĐ-UBND ngày 19 tháng 10 năm 2018 của UBND tỉnh Cao Bằng.

Điều 3. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã; thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- VP Chính phủ;
- Các Bộ: XD, KHĐT, TC;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL, Bộ Tư pháp;
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Tòa án nhân dân, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- VP Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- VPUBND tỉnh: các PCVP, CVNCTH;
- Trung tâm thông tin - VPUBND tỉnh;
- Lưu: VT, XD.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Hoàng Xuân Ánh
Hoàng Xuân Ánh



ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH CAO BẰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

Một số nội dung quản lý đầu tư và xây dựng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 37 /2021/QĐ-UBND ngày 05 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định một số nội dung về quản lý đầu tư và xây dựng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng, bao gồm: Quản lý dự án đầu tư và xây dựng, giấy phép xây dựng và quản lý trật tự xây dựng, quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng, quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

2. Đối với dự án sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (sau đây viết tắt là vốn ODA), vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài, dự án thuộc chương trình mục tiêu quốc gia, dự án công trình xây dựng đặc thù (công trình bí mật nhà nước, công trình xây dựng khẩn cấp, công trình xây dựng tạm), dự án đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin có văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên quy định riêng về quản lý đầu tư và xây dựng thì thực hiện theo các quy định riêng đó.

3. Các nội dung không nêu trong Quy định này thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động đầu tư và xây dựng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Điều 3. Nguyên tắc quản lý đầu tư và xây dựng

Phân định rõ thẩm quyền, trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp, cơ quan chuyên môn, chủ đầu tư, ban quản lý dự án đầu tư xây dựng trong quản lý đầu tư và xây dựng đúng pháp luật, đơn giản thủ tục hành chính, phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh.

Chương II QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG



Điều 4. Trình tự đầu tư xây dựng

Trình tự đầu tư xây dựng theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng (sau đây viết tắt là Nghị định số 15/2021/NĐ-CP).

Điều 5. Chủ đầu tư

Chủ đầu tư do người quyết định đầu tư quyết định trước khi lập dự án hoặc khi phê duyệt dự án hoặc các trường hợp khác theo quy định của pháp luật có liên quan theo quy định tại Điều 7 Luật Xây dựng năm 2014 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020 (sau đây viết tắt là Luật số 62/2020/QH14). Chủ đầu tư dự án sử dụng vốn đầu tư công, vốn nhà nước ngoài đầu tư công do địa phương quản lý quy định như sau:

1. Dự án do Ủy ban nhân dân tỉnh (sau đây viết tắt là UBND tỉnh) quyết định đầu tư, trừ trường hợp quy định tại khoản 4, khoản 5, khoản 6 Điều này:

a) Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh, Bộ chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh, Công an tỉnh làm chủ đầu tư đối với dự án thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh do mình quản lý;

b) Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh làm chủ đầu tư đối với các dự án đầu tư công trình kết cấu hạ tầng theo quy hoạch xây dựng của khu công nghiệp và các khu chức năng trong khu kinh tế (khu phi thuế quan, các khu vực cửa khẩu, khu chức năng khác) được giao quản lý;

c) Ban quản lý dự án (sau đây viết tắt là Ban QLDA) chuyên ngành, khu vực cấp tỉnh làm chủ đầu tư đối với các dự án còn lại.

2. Dự án đầu tư xây dựng do Ủy ban nhân dân huyện, Thành phố (sau đây viết tắt là UBND cấp huyện) quyết định đầu tư hoặc được ủy quyền quyết định đầu tư thì giao Ban QLDA chuyên ngành, khu vực cấp huyện đó làm chủ đầu tư; trừ trường hợp quy định tại khoản 4, khoản 5, khoản 6 Điều này.

3. Dự án đầu tư xây dựng do Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây viết tắt là UBND cấp xã) quyết định đầu tư, dự án có sự đóng góp của cộng đồng thì UBND cấp xã làm chủ đầu tư. Đối với công trình có yêu cầu kỹ thuật cao, đòi hỏi có trình độ chuyên môn mà UBND cấp xã không đủ điều kiện thực hiện, UBND cấp xã có văn bản đề nghị UBND cấp huyện giao cho Ban QLDA

chuyên ngành, khu vực cấp huyện làm chủ đầu tư và có sự tham gia của UBND cấp xã.

4. Đơn vị quản lý, sử dụng công trình (nếu đủ điều kiện thực hiện) làm chủ đầu tư đối với dự án cải tạo, sửa chữa, nâng cấp, bảo trì công trình do mình quản lý có tổng mức đầu tư dưới 5 tỷ đồng. Đối với các công trình bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công sử dụng nguồn Ngân sách nhà nước, chủ đầu tư là đơn vị được giao quản lý, sử dụng vốn.

5. Đối với dự án đầu tư có tính chất hỗn hợp; dự án có tính chất đặc thù riêng theo ngành, lĩnh vực; dự án có cấu phần xây dựng chiếm tỷ lệ dưới 50% hoặc dự án Ban QLDA không đủ điều kiện thực hiện thì người quyết định đầu tư giao cơ quan, tổ chức có kinh nghiệm, năng lực quản lý làm chủ đầu tư.

6. Trường hợp có các quy định riêng đối với các dự án thuộc chương trình mục tiêu quốc gia, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài thì việc xác định chủ đầu tư thực hiện theo các quy định riêng của văn bản cấp trên; theo Hiệp định đã ký kết, các văn bản của nhà tài trợ nước ngoài và văn bản của các bộ, ngành liên quan.

7. Việc giao nhiệm vụ chủ đầu tư phải đảm bảo nguyên tắc phân định rõ chức năng quản lý nhà nước trong hoạt động đầu tư xây dựng với chức năng quản lý của chủ đầu tư phù hợp với từng loại nguồn vốn sử dụng. Chủ đầu tư chịu trách nhiệm trước pháp luật, người quyết định đầu tư và cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong phạm vi các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 6. Quản lý dự án đầu tư theo quy hoạch

1. Dự án đầu tư không phân biệt các loại nguồn vốn sử dụng phải phù hợp với quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh, quy hoạch xây dựng, quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất tại địa phương nơi có dự án đầu tư xây dựng.

2. Đối với các dự án đầu tư xây dựng chưa phù hợp với các quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh, quy hoạch xây dựng thì chủ đầu tư phải báo cáo các cơ quan có thẩm quyền để xem xét, chấp thuận điều chỉnh, bổ sung quy hoạch theo các quy định của pháp luật về quy hoạch trước khi lập dự án đầu tư xây dựng công trình.

Trường hợp dự án thuộc đối tượng phải quyết định, chấp thuận chủ trương đầu tư, có thể thực hiện đồng thời việc xem xét chấp thuận chủ trương đầu tư và chấp thuận điều chỉnh, bổ sung quy hoạch đối với các quy hoạch thuộc thẩm quyền quyết định của UBND tỉnh. Các cơ quan quản lý quy hoạch có trách nhiệm thẩm định cụ thể sự phù hợp với quy hoạch thuộc lĩnh vực phụ trách và đề xuất việc điều chỉnh, bổ sung quy hoạch tại quyết định, chấp thuận chủ

trương đầu tư. Cơ quan chủ trì thực hiện thủ tục quyết định, chấp thuận chủ trương đầu tư tổng hợp ý kiến của cơ quan quản lý quy hoạch để trình UBND tỉnh quyết định, chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận điều chỉnh, bổ sung quy hoạch hoặc cho phép nghiên cứu điều chỉnh, bổ sung quy hoạch (trường hợp không thể thực hiện đồng thời hai thủ tục trên).

Điều 7. Quyết định, chấp thuận chủ trương đầu tư

1. Thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án sử dụng vốn đầu tư công do địa phương quản lý (bao gồm dự án có cấu phần xây dựng và dự án không có cấu phần xây dựng) được thực hiện theo quy định tại Điều 17 Luật Đầu tư công, Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công (sau đây viết tắt là Nghị định số 40/2020/NĐ-CP).

2. Thẩm định Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án sử dụng vốn đầu tư công do địa phương quản lý (bao gồm dự án có cấu phần xây dựng và dự án không có cấu phần xây dựng)

a) Chủ tịch UBND tỉnh thành lập Hội đồng thẩm định do Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch UBND tỉnh làm Chủ tịch hội đồng, Sở Kế hoạch và Đầu tư là Thường trực Hội đồng và các sở, ban, ngành liên quan là thành viên (sau đây viết tắt là Hội đồng thẩm định cấp tỉnh) để thẩm định Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, nguồn vốn và khả năng cân đối vốn đối với các dự án nhóm A, nhóm B do cấp tỉnh quản lý;

Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, nguồn vốn và khả năng cân đối vốn đối với các dự án nhóm C do cấp tỉnh quản lý;

b) Chủ tịch UBND cấp huyện thành lập Hội đồng thẩm định do Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch UBND cấp huyện làm Chủ tịch hội đồng, phòng Tài chính - Kế hoạch là Thường trực hội đồng và các phòng, ban liên quan là thành viên (sau đây viết tắt là Hội đồng thẩm định cấp huyện) để thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, nguồn vốn và khả năng cân đối vốn đối với các dự án nhóm B do cấp huyện quản lý;

Phòng Tài chính - Kế hoạch chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, nguồn vốn và khả năng cân đối vốn đối với các dự án nhóm C do cấp huyện quản lý;

c) Chủ tịch UBND cấp xã thành lập Hội đồng thẩm định do Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch UBND cấp xã làm Chủ tịch hội đồng, Công chức Tài chính - Kế toán là ủy viên thường trực và đại diện Văn phòng HĐND, UBND, công chức địa chính - xây dựng và công chức phụ trách lĩnh vực liên quan là thành viên

(sau đây viết tắt là Hội đồng thẩm định cấp xã) đề thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, nguồn vốn và khả năng cân đối vốn đối với các dự án đầu tư công do cấp xã quản lý.

d) Trình tự, thủ tục lập, thẩm định quyết định chủ trương đầu tư đối với dự án đầu tư công thực hiện theo quy định Luật Đầu tư công, Nghị định số 40/2020/NĐ-CP.

3. Quyết định chủ trương đầu tư đối với dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư (sau đây viết tắt là dự án PPP)

Thẩm quyền, trình tự, nội dung thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, quyết định chủ trương đầu tư dự án PPP thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Nghị định số 35/2021/NĐ-CP ngày 29/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư theo hình thức đối tác công tư (sau đây viết tắt là Nghị định số 35/2021/NĐ-CP).

4. Dự án đầu tư kinh doanh thuộc diện phải thực hiện thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư, thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định tại Luật Đầu tư. Trình tự, thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư thực hiện theo quy định tại Điều 33, Điều 36 Luật Đầu tư và Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư (sau đây viết tắt là Nghị định số 31/2021/NĐ-CP).

5. Trình tự, thủ tục quyết định chủ trương đầu tư chương trình đầu tư công do địa phương quản lý thực hiện theo quy định tại Điều 27 Luật Đầu tư công.

6. Cấp quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án thì có thẩm quyền quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư chương trình, dự án đó.

Điều 8. Thi tuyển, tuyển chọn thiết kế kiến trúc công trình xây dựng

1. Các công trình yêu cầu phải tổ chức thi tuyển phương án thiết kế kiến trúc trước khi lập dự án được quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Kiến trúc năm 2019. Việc tổ chức thi tuyển phương án kiến trúc được đề xuất trong chủ trương đầu tư hoặc báo cáo nghiên cứu tiền khả thi đầu tư xây dựng. Trên cơ sở phương án kiến trúc trúng tuyển, tổ chức, cá nhân có phương án kiến trúc trúng tuyển được thực hiện các bước tiếp theo của dự án khi đủ điều kiện theo quy định của pháp luật về xây dựng và pháp luật về đấu thầu.

2. Quy định về thi tuyển phương án kiến trúc được thực hiện theo Điều 17 Luật Kiến trúc năm 2019 và Nghị định số 85/2020/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2020 quy định chi tiết một số điều của Luật Kiến trúc.

Điều 9. Thẩm định chương trình, dự án đầu tư công không có cấu phần xây dựng

1. Đối với dự án đầu tư công không có cấu phần xây dựng do UBND tỉnh quyết định đầu tư

a) Hội đồng thẩm định cấp tỉnh tổ chức thẩm định dự án nhóm A. Cơ quan Thường trực hội đồng tổng hợp kết quả thẩm định báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định;

b) Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định đối với dự án nhóm B, nhóm C; tổng hợp kết quả thẩm định báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

2. Đối với dự án đầu tư công không có cấu phần xây dựng do UBND cấp huyện, cấp xã quyết định đầu tư

Phòng Tài chính - Kế hoạch chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định dự án, tổng hợp kết quả thẩm định báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

3. Trình tự lập, thẩm định, quyết định đầu tư chương trình đầu tư công thực hiện theo quy định Luật Đầu tư công, Nghị định số 40/2020/NĐ-CP.

4. Thành phần hồ sơ, nội dung, thời gian thẩm định chương trình, dự án đầu tư công không có cấu phần xây dựng được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 40/2020/NĐ-CP.

Điều 10. Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng của người quyết định đầu tư

1. Đối với dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn đầu tư công

a) Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành (gồm các sở: Xây dựng, Giao thông Vận tải, Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) chủ trì thẩm định đối với các dự án thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của UBND tỉnh;

b) Phòng Kinh tế và Hạ tầng, Phòng Quản lý đô thị chủ trì thẩm định đối với các dự án sử dụng vốn đầu tư công thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của UBND cấp huyện, cấp xã.

2. Đối với dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn nhà nước ngoài đầu tư công

a) Các dự án do UBND cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã quyết định đầu tư: cơ quan chủ trì thẩm định thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều này.

b) Người quyết định đầu tư giao cơ quan chuyên môn trực thuộc hoặc tổ chức, cá nhân có chuyên môn phù hợp với tính chất, nội dung của dự án khi không có cơ quan chuyên môn trực thuộc chủ trì thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi, báo cáo kinh tế - kỹ thuật dự án đầu tư xây dựng công trình sử dụng vốn nhà nước ngoài đầu tư công do mình quyết định đầu tư; trừ các dự án quy định tại điểm a Khoản này.

3. Đối với dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn khác

Người quyết định đầu tư giao cơ quan chuyên môn trực thuộc hoặc tổ chức, cá nhân có chuyên môn phù hợp với tính chất, nội dung của dự án khi không có cơ quan chuyên môn trực thuộc chủ trì thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi, báo cáo kinh tế - kỹ thuật dự án đầu tư xây dựng công trình do mình quyết định đầu tư.

4. Đối với dự án PPP

Hội đồng thẩm định hoặc đơn vị trực thuộc UBND tỉnh thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án PPP theo quy định của pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư, tổng hợp kết quả thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng theo quy định tại khoản 3 Điều 11 Quy định này, trình cơ quan có thẩm quyền xem xét, phê duyệt dự án.

5. Đối với dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích việc lập, thẩm định, phê duyệt thực hiện theo quy định pháp luật về di sản văn hóa. Cơ quan chủ trì thẩm định dự án thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND tỉnh là Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch. Trường hợp dự án có cấu phần xây dựng, thì gửi hồ sơ đề nghị cơ quan quản lý công trình xây dựng chuyên ngành tại điểm a khoản 1 Điều 11 Quy định này thẩm định đối với hạng mục công trình xây dựng chuyên ngành.

6. Nội dung thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng của người quyết định đầu tư được quy định tại Điều 57 của Luật Xây dựng năm 2014 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 14 Điều 1 của Luật số 62/2020/QH14 và Điều 12 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP. Trong đó nội dung thẩm định tổng mức đầu tư (nếu có) thực hiện theo khoản 3 Điều 7 Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng (sau đây viết tắt là Nghị định số 10/2021/NĐ-CP).

7. Đối với dự án đầu tư xây dựng sử dụng công nghệ hạn chế chuyển giao hoặc có nguy cơ tác động xấu đến môi trường có sử dụng công nghệ còn phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ. Việc thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ đối với dự án đầu tư xây dựng được thực hiện theo quy định tại Điều 18 Luật Chuyển giao công nghệ và Điều 16, Điều 17 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP.

8. Nội dung Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng thực hiện theo quy định tại Điều 54 của Luật Xây dựng năm 2014 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 12 Điều 1 của Luật số 62/2020/QH14 và Điều 11 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP. Nội dung Báo cáo kinh tế - kỹ thuật thực hiện theo quy định tại Điều 55 của Luật Xây dựng năm 2014.

Quy cách hồ sơ thiết kế thực hiện theo quy định tại Điều 33 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP. Trong đó quy cách, nội dung hồ sơ thiết kế kiến trúc thực hiện theo quy định tại Chương II của Thông tư số 03/2020/TT-BXD ngày 28/7/2020 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ thiết kế kiến trúc và mẫu chứng chỉ hành nghề kiến trúc.

Điều 11. Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng của cơ quan chuyên môn về xây dựng

1. Đối với dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn đầu tư công, cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định đối với dự án thuộc chuyên ngành quản lý theo quy định tại khoản 4 Điều 109 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP (sau đây viết tắt là chuyên ngành quản lý); trừ dự án chỉ cần lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng, cụ thể:

a) Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành thẩm định đối với dự án thuộc chuyên ngành quản lý được đầu tư xây dựng trên địa bàn hành chính của tỉnh; trừ dự án quy định tại điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP, dự án quy định tại điểm b khoản này;

b) Phòng Kinh tế và Hạ tầng, Phòng Quản lý đô thị thẩm định đối với dự án nhóm C và có công trình từ cấp III trở xuống do UBND cấp huyện, cấp xã quyết định đầu tư.

2. Đối với dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn nhà nước ngoài đầu tư công, cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định đối với dự án từ nhóm B trở lên, dự án có công trình ảnh hưởng lớn đến an toàn, lợi ích cộng đồng thuộc chuyên ngành quản lý; trừ dự án có yêu cầu lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng, cụ thể:

a) Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành thẩm định đối với dự án thuộc chuyên ngành quản lý được đầu tư xây dựng trên địa bàn hành chính của tỉnh; trừ dự án quy định tại điểm a khoản 2 Điều 13 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP, dự án quy định tại điểm b khoản này;

b) Phòng Kinh tế và Hạ tầng, Phòng Quản lý đô thị thẩm định đối với dự án nhóm C và có công trình từ cấp III trở xuống do UBND cấp huyện, cấp xã quyết định đầu tư.

3. Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành thẩm định đối với dự án PPP thuộc chuyên ngành quản lý được đầu tư xây dựng trên địa bàn hành chính của tỉnh; trừ dự án quy định tại điểm a khoản 3 Điều 13 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP.

4. Đối với dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn khác

Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành thẩm định đối với dự án quy

mô lớn quy định tại khoản 8 Điều 3 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP, dự án có công trình ảnh hưởng lớn đến an toàn, lợi ích cộng đồng thuộc chuyên ngành quản lý trên địa bàn tỉnh; trừ dự án quy định tại điểm a khoản 4 Điều 13 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP và dự án có yêu cầu lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng.

5. Trình tự, nội dung thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng được quy định tại Điều 58 của Luật Xây dựng năm 2014 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 15 Điều 1 của Luật số 62/2020/QH14 và Điều 13, Điều 14, Điều 15 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP. Trong đó nội dung thẩm định tổng mức đầu tư (nếu có) thực hiện theo khoản 2 Điều 7 Nghị định số 10/2021/NĐ-CP.

6. Một số quy định trong công tác thẩm định, trình phê duyệt dự án

a) Đối với dự án có công năng phục vụ hỗn hợp (gồm nhiều công trình có loại, cấp khác nhau), cơ quan đầu mối thẩm định là cơ quan chuyên môn về xây dựng được xác định theo chuyên ngành quản lý quy định tại Điều 27 Quy định này đối với công năng phục vụ của công trình chính của dự án hoặc công trình chính có cấp cao nhất trong trường hợp dự án có nhiều công trình chính. Cơ quan đầu mối thẩm định có trách nhiệm gửi hồ sơ đề nghị các cơ quan quản lý công trình xây dựng chuyên ngành thẩm định đối với từng hạng mục công trình chuyên ngành;

b) Dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn hỗn hợp gồm nhiều nguồn vốn, việc phân loại để quản lý được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP;

c) Trường hợp Cơ quan chuyên môn về xây dựng đồng thời là cơ quan thẩm định của người quyết định đầu tư. Cơ quan chuyên môn về xây dựng sẽ thẩm định đồng thời các nội dung quy định tại khoản 4 Điều 10 và khoản 5 Điều này. Thời gian thẩm định thực hiện theo quy định tại Điều 59 của Luật Xây dựng năm 2014 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 16 Điều 1 của Luật số 62/2020/QH14.

Điều 12. Thẩm quyền quyết định đầu tư

1. Đối với chương trình, dự án sử dụng vốn đầu tư công do địa phương quản lý (bao gồm cả dự án có cấu phần xây dựng và dự án không có cấu phần xây dựng)

a) Chủ tịch UBND tỉnh quyết định đầu tư chương trình, dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C sử dụng vốn đầu tư công do cấp tỉnh quản lý; dự án nhóm A sử dụng vốn đầu tư công do cấp huyện, cấp xã quản lý. Chủ tịch UBND tỉnh uỷ quyền:

- Chủ tịch UBND cấp huyện phê duyệt (dự án do UBND cấp huyện hoặc đơn vị trực thuộc UBND cấp huyện chuẩn bị dự án) đối với báo cáo kinh tế - kỹ

thuật đầu tư xây dựng (có tổng mức đầu tư dưới 15 tỷ đồng, không bao gồm tiền sử dụng đất), trong đó có sử dụng một phần hoặc toàn bộ vốn đầu tư từ ngân sách Nhà nước do cấp tỉnh quản lý;

- Giám đốc Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành phê duyệt đối với báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình (có tổng mức đầu tư dưới 15 tỷ đồng, không bao gồm tiền sử dụng đất) thuộc chuyên ngành quản lý; trừ các dự án đã ủy quyền quyết định đầu tư cho UBND cấp huyện.

b) Chủ tịch UBND cấp huyện, cấp xã quyết định đầu tư các chương trình, dự án nhóm B, nhóm C sử dụng vốn đầu tư công do cấp mình quản lý.

c) Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập quyết định đầu tư dự án nhóm A, B, C sử dụng vốn từ nguồn thu hợp pháp của đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư do đơn vị mình quản lý theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 13 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP.

2. Đối với dự án sử dụng vốn nhà nước ngoài đầu tư công, dự án sử dụng vốn khác: Người đại diện có thẩm quyền của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp theo quy định của pháp luật có liên quan quyết định đầu tư dự án.

3. Đối với dự án PPP: Theo quy định tại Điều 21 Luật Đầu tư theo hình thức đối tác công tư.

Điều 13. Điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng

1. Người có thẩm quyền phê duyệt dự án thì có thẩm quyền phê duyệt điều chỉnh dự án đó.

2. Đối với các dự án đầu tư xây dựng điều chỉnh, cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi điều chỉnh trong các trường hợp nêu tại khoản 2 Điều 19 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP, cụ thể:

a) Khi điều chỉnh dự án có thay đổi về mục tiêu, quy mô sử dụng đất, quy mô đầu tư xây dựng;

b) Khi có thay đổi về chỉ tiêu quy hoạch, kiến trúc của dự án tại quy hoạch chi tiết xây dựng, quy hoạch có tính chất kỹ thuật chuyên ngành khác hoặc quyết định/chấp thuận chủ trương đầu tư được duyệt;

c) Khi điều chỉnh làm tăng tổng mức đầu tư dự án đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công, dự án sử dụng vốn nhà nước ngoài đầu tư công;

d) Khi có thay đổi về giải pháp bố trí các công năng chính trong công trình dẫn đến yêu cầu phải đánh giá lại về giải pháp thiết kế bảo đảm an toàn xây dựng, phòng, chống cháy, nổ, bảo vệ môi trường, sự tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật của dự án.

3. Thẩm quyền thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng điều

chính của cơ quan chuyên môn về xây dựng thực hiện theo quy định tại Điều 11 Quy định này. Trường hợp điều chỉnh dự án làm thay đổi nhóm dự án hoặc cấp công trình xây dựng của dự án, thẩm quyền thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng điều chỉnh được xác định theo thẩm quyền của nhóm dự án, cấp công trình sau điều chỉnh.

4. Trình tự, thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn đầu tư công thuộc các trường hợp nêu tại khoản 2 Điều này.

a) Chủ đầu tư có văn bản đề nghị người quyết định đầu tư xem xét, chấp thuận chủ trương điều chỉnh dự án (trong đó cần làm rõ lý do, nội dung, phạm vi điều chỉnh và đề xuất giải pháp thực hiện), đồng thời gửi cơ quan chủ trì thẩm định dự án của người có thẩm quyền quyết định đầu tư tham mưu cho người có thẩm quyền quyết định đầu tư chấp thuận cho chủ trương điều chỉnh dự án, trước khi lập hồ sơ dự án, thiết kế cơ sở điều chỉnh trình cơ quan có thẩm quyền theo phân cấp thẩm định, phê duyệt theo quy định.

b) Trường hợp điều chỉnh làm tăng tổng mức đầu tư dự án lớn hơn tổng mức đầu tư đã được cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư, phải thực hiện thủ tục điều chỉnh chủ trương đầu tư theo quy định pháp luật về đầu tư công trước khi cấp có thẩm quyền quyết định điều chỉnh dự án.

5. Trình tự, thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư công không có cấu phần xây dựng

Thẩm quyền thẩm định, phê duyệt dự án điều chỉnh theo quy định tại Điều 9 và Điều 12 Quy định này. Điều kiện, trình tự, thủ tục điều chỉnh dự án thực hiện theo quy định pháp luật về đầu tư công.

Điều 14. Hình thức tổ chức quản lý dự án đầu tư xây dựng

1. Căn cứ quy mô, tính chất, nguồn vốn sử dụng và điều kiện thực hiện dự án đầu tư xây dựng, người quyết định đầu tư quyết định áp dụng một trong các hình thức tổ chức quản lý dự án sau:

a) Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng chuyên ngành, Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực;

b) Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng một dự án;

c) Chủ đầu tư sử dụng bộ máy chuyên môn trực thuộc;

d) Tổ chức tư vấn quản lý dự án.

2. Đối với các dự án do Ban QLDA chuyên ngành, Ban QLDA khu vực làm chủ đầu tư thì đồng thời thực hiện nhiệm vụ quản lý dự án.

3. Ban quản lý dự án chuyên ngành, Ban quản lý dự án khu vực được thực hiện tư vấn quản lý dự án cho các dự án khác hoặc thực hiện một số công việc tư vấn trên cơ sở bảo đảm hoàn thành nhiệm vụ quản lý dự án được giao và đáp

ứng yêu cầu về điều kiện năng lực theo quy định khi thực hiện công việc tư vấn.

Điều 15. Thẩm định, phê duyệt thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở

1. Chủ đầu tư có trách nhiệm tổ chức thẩm định bước thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở làm cơ sở phê duyệt (trừ trường hợp người quyết định đầu tư có quy định khác tại quyết định đầu tư xây dựng) đối với các bước thiết kế sau:

a) Thiết kế kỹ thuật tổng thể (Front - End Engineering Design, sau đây gọi là thiết kế FEED) trong trường hợp thực hiện hình thức hợp đồng thiết kế - mua sắm vật tư, thiết bị - thi công xây dựng công trình (Engineering - Procurement - Construction, sau đây gọi là hợp đồng EPC);

b) Thiết kế kỹ thuật trong trường hợp thiết kế ba bước;

c) Thiết kế bản vẽ thi công trong trường hợp thiết kế hai bước;

d) Bước thiết kế khác ngay sau bước thiết kế cơ sở trong trường hợp thực hiện thiết kế nhiều bước theo thông lệ quốc tế.

Đối với các bước thiết kế còn lại, chủ đầu tư quyết định việc kiểm soát thiết kế theo quy định tại hợp đồng giữa chủ đầu tư với nhà thầu và quy định của pháp luật có liên quan.

2. Nội dung thẩm định của Chủ đầu tư quy định tại Điều 83 của Luật Xây dựng năm 2014 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 25 Điều 1 của Luật số 62/2020/QH14.

Trong đó nội dung thẩm định dự toán (nếu có) xây dựng thực hiện theo khoản 4 Điều 13 Nghị định số 10/2021/NĐ-CP.

3. Đối với các công trình quy định tại Khoản 1 Điều 83a Luật Xây dựng năm 2014 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 26 Điều 1 của Luật số 62/2020/QH14 phải được cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định theo quy định. Việc thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng thực hiện theo Điều 16 Quy định này.

4. Trong quá trình thẩm định, chủ đầu tư hoặc cơ quan chuyên môn trực thuộc người quyết định đầu tư, cơ quan chuyên môn về xây dựng được mời tổ chức, cá nhân có chuyên môn, kinh nghiệm phù hợp tham gia thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở.

5. Công trình xây dựng ảnh hưởng lớn đến an toàn, lợi ích cộng đồng phải được tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện năng lực hoạt động xây dựng thẩm tra thiết kế xây dựng về nội dung an toàn công trình, sự tuân thủ tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật làm cơ sở cho việc thẩm định. Việc thẩm tra thiết kế xây dựng